

# CHÍNH PHỦ VÀ NỀN CHÍNH TRỊ Ở MỸ

Edward N. Kearny

*"Một chính phủ liêm khiết và khôn ngoan cần phải biết ngăn ngừa các cá nhân làm tổn thương nhau, và mặt khác cũng cần phải để cho họ tự do theo đuổi nghề nghiệp và tận dụng những cơ hội của họ." - Thomas Jefferson (1743-1826)*

## Mối nghi ngờ về một chính phủ mạnh

Tư tưởng tự do cá nhân đã có một ảnh hưởng đáng kể tới cách nhìn nhận của người Mỹ về chính phủ của họ. Theo truyền thống, luôn tồn tại một sự nghi ngờ khá sâu sắc về việc liệu có phải chính phủ là kẻ thù của tự do hay không, cho dù chính phủ này là do người dân bầu ra. Chính phủ càng lớn mạnh, thì người dân Mỹ càng cảm thấy mối nguy hiểm lớn hơn đối với tự do cá nhân của họ.

Mối nghi ngờ về một chính phủ mạnh bắt đầu từ những người lãnh đạo cuộc cách mạng Mỹ năm 1776. Những con người này tin rằng chính phủ Anh đã nỗ lực ngăn cản sự tự do và những cơ hội kinh tế của những người Mỹ mới định cư bằng cách đánh thuế cao và sử dụng các biện pháp khác có lợi cho tầng lớp tư sản và quân chủ Anh. Thomas Paine, một cây bút cách mạng nổi tiếng, đã nhấn mạnh tư tưởng của những người cách mạng Mỹ như sau: "Cho dù Chính phủ trong trạng thái tốt nhất của nó thì nó vẫn là điều mà người ta không muốn nhưng vẫn phải chấp nhận. Còn chính phủ trong tình trạng tồi tệ nhất của nó thì là điều không thể chịu đựng nổi".

## Bộ máy chính phủ Mỹ

Cái cách mà chính phủ quốc gia được hình thành trong Hiến pháp Mỹ đã đưa ra một minh họa tuyệt vời cho sự nghi ngờ về quyền lực của chính phủ. Các điều khoản của bản Hiến pháp quan tâm chủ yếu đến việc ngăn ngừa chính phủ làm những điều xấu hơn là quan tâm đến việc cho phép nó làm điều tốt. Ví dụ, chính phủ Mỹ được chia ra thành ba ngành riêng biệt. Sự phân chia quyền lực này dựa trên niềm tin rằng nếu một bộ phận hay một ngành nào đó của chính phủ nắm tất cả quyền lực, hoặc có quyền lực cao nhất, nó cũng sẽ trở thành một mối đe dọa tới tự do của các công dân.

Ngành lập pháp của chính phủ hay còn gọi là Quốc hội, được chia thành Thượng Nghị viện và Hạ Nghị viện. Thượng viện với hai nghị sĩ đến từ mỗi bang khác nhau không kể qui mô của bang đó. Trong khi Hạ Viện bao gồm tổng số 435 hạ nghị sĩ được chia theo 50 bang và theo dân số của mỗi bang. (Ở Hạ viện, bang có dân số nhiều hơn sẽ có nhiều đại diện hơn so với bang có dân số ít hơn. Trong khi đó ở Thượng viện mỗi bang đều có số đại biểu như nhau). Tổng thống, hay tổng tư lệnh, là người đứng đầu ngành hành pháp, một ngành có trách

nhiệm thực thi luật pháp. Tòa án tối cao và các tòa cấp thấp hơn tạo ra ngành tư pháp. Ngành tư pháp được lập ra để giải quyết những tranh chấp về những vấn đề liên quan đến luật pháp thông qua tòa án.

Nếu một trong ba ngành này bắt đầu có dấu hiệu lạm dụng quyền lực, thì hai ngành kia sẽ cùng nhau can thiệp để chấm dứt việc lạm dụng này (thông qua cơ chế kiểm chế và đối trọng). Thể chế này đặc biệt quan tâm đến việc cân bằng quyền lực của ngành lập pháp và hành pháp bởi vì hai ngành này (Quốc Hội và Tổng thống) là hai cơ quan quyền lực tối cao, quan trọng nhất trong ba ngành. Trong tất cả những vấn đề hoạt động quan trọng của nhà nước như quyền lập pháp, tuyên bố chiến tranh hay ký kết hiệp ước với các quốc gia khác, thể chế này đã dành cho mỗi ngành trong hai ngành này quyền lực đủ để ngăn nhau không được tự ý hành động.

Tổng thống và hai viện của Quốc hội hoàn toàn có sự độc lập với nhau về mặt chính trị bởi vì họ được lựa chọn ra từ các cuộc bầu cử khác nhau. Ví dụ, bầu cử quốc hội sẽ không quyết định ai sẽ được bầu là Tổng thống, và cuộc tranh cử Tổng thống sẽ không quyết định ai sẽ được bầu vào hai viện. Trong hệ thống chính trị Mỹ, hoàn toàn có thể có chuyện người đứng đầu một đảng chính trị giành thắng lợi trong cuộc bầu cử Tổng thống, nhưng những đảng chính trị chính khác lại nắm đại đa số ghế trong Quốc hội.

Thực tế là trong thời gian từ năm 1970 đến 1980, 4 trong 5 tổng thống là người của đảng Cộng hòa trong khi đảng Dân chủ lại kiểm soát một hoặc cả hai viện. Tuy nhiên, trong cuộc bầu cử Quốc hội năm 1994 tình hướng

ngược lại đã xảy ra. Trong khi Tổng thống Bill Clinton là người của đảng Dân chủ thì đảng Cộng hòa lại kiểm soát cả Hạ viện và Thượng viện. Một điều quan trọng cần lưu ý là các cuộc bầu cử nghị sĩ của hai viện cũng tách biệt với nhau. Như vậy, đảng Cộng Hòa có thể kiểm soát một viện trong khi đảng Dân Chủ lại kiểm soát viện kia. Tuy nhiên cả hai viện phải nhất trí với nhau trên tất cả vấn đề luật pháp trước khi nó trở thành luật.

Những nhà quan sát nước ngoài thường hay lúng túng bởi hệ thống này của Mỹ. Chính phủ dường như thường xuyên phát ngôn với hai giọng điệu khá xung đột nhau, một của Tổng thống và một của Quốc hội. Tổng thống cần phải ký vào các dự luật đã được thông qua bởi Quốc hội để chúng có thể thành luật. Nếu Tổng thống phủ quyết một dự luật đã thông qua bởi Quốc hội, tức là Tổng thống từ chối ký vào Dự luật, thì Dự luật này sẽ không được thông qua trừ phi 2/3 các nghị sĩ của cả Thượng viện và Hạ viện bỏ phiếu nhất trí bãi bỏ phủ quyết của Tổng thống. Tuy nhiên điều này hiếm khi xảy ra. Ngược lại, một Hiệp ước với một quốc gia khác được Tổng thống ký sẽ không có hiệu lực nếu Thượng viện từ chối phê chuẩn nó.

Mặc dù hệ thống chia sẻ quyền lực chính phủ của Mỹ theo nhiều nhà quan sát là không hiệu quả và không có trật tự, thì hầu hết người Mỹ vẫn hoàn toàn tin tưởng vào nó với hai lý do sau. Nó đã có thể đáp ứng được những thách thức trong quá khứ, và đem lại sự bảo vệ mạnh mẽ cho tự do cá nhân.

Thêm vào việc phân chia quyền lực chính phủ cho ba ngành, Hiến pháp, bao gồm cả bản Tuyên ngôn nhân quyền, đã được đưa ra để bảo vệ

quyền cá nhân và tự do cá nhân khỏi sự can thiệp của chính phủ. Một số bảo đảm trong bản Tuyên ngôn nhân quyền đã quan tâm đến quyền tự do phát ngôn. Chính phủ có thể không can thiệp vào quyền tự do phát ngôn của cá nhân hay tự do thờ cúng tín ngưỡng. Bản Tuyên ngôn nhân quyền cũng đảm bảo qui trình tố tụng hình sự đối với những người bị buộc tội là vi phạm luật pháp. Như vậy, bản Tuyên ngôn nhân quyền là một tuyên ngôn khác về lòng tin của người Mỹ đối với tầm quan trọng của tự do cá nhân.

### **Tư tưởng tự do cá nhân**

Vào cuối những năm 1700, hầu hết người Mỹ đã mong đợi một chính phủ mới do Hiến pháp lập ra để cho phép họ tự do theo đuổi những mưu cầu cá nhân của riêng mình. Họ tin rằng mục đích quan trọng của chính phủ là tạo ra những điều kiện thích hợp nhất cho sự phát triển của tự do cá nhân.

Trước cuộc Nội chiến 1860, tư tưởng tự do cá nhân của người Mỹ chính là tư tưởng của những người định cư ở miền biên cương và của những người nông dân nhỏ bé. Tổng thống Thomas Jefferson đã bộc lộ tư tưởng này khi ông nói rằng: "Những người lao động trên trái đất này là những người được đức Chúa trời lựa chọn, và một khi người lựa chọn những con người này ...". Jefferson đã ca ngợi những người nông dân là những cá nhân tự do, những người dựa vào chính bản thân họ chứ không phải ai khác để sống. Ông tin rằng những người nông dân này là những công dân trung thực nhất. Trong suốt sự nghiệp của mình, Jefferson đã ủng hộ một hình mẫu chính phủ yếu và nhỏ. Hình mẫu mà ông tin rằng sẽ khuyến khích sự phát triển của một nhà nước của những công dân là những người nông dân tự do và tự chủ.

Kể từ khi kết thúc cuộc Nội chiến cho đến Đại suy thoái năm 1930, hình tượng những doanh nhân thành đạt đã thay thế những người nông dân và những người định cư miền Tây như là hình mẫu lý tưởng cho cá nhân tự do. Quan điểm nổi bật của người Mỹ trong thời kỳ này là chính phủ không nên can thiệp vào các hoạt động kinh doanh. Nếu không nó sẽ đe dọa tới sự phát triển của những cá nhân tự do. Những con người với tư tưởng cạnh tranh, tự chủ, và lao động cần cù đang xây dựng nước Mỹ thành một vùng đất lớn mạnh hơn, thịnh vượng hơn.

Bởi vậy chính phủ đã duy trì hình mẫu nhỏ và hoạt động ít tích cực hơn so với qui mô rộng lớn của quốc gia và quyền lực của các tập đoàn kinh tế. Đã có một số qui định của chính phủ đối với việc kinh doanh trong thời kỳ này. Tuy nhiên những qui định này không có nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Từ năm 1870 đến năm 1930, các tổ chức và tư tưởng kinh doanh đã chi phối chính phủ Mỹ và nền chính trị nước này. Đảng Cộng hòa, một trong hai chính đảng ở Mỹ, đã đưa ra những phương cách để duy trì sự chi phối này. Đảng Cộng hòa đã thành công hơn đối thủ chính của mình, là đảng Dân chủ, trong việc lựa chọn Tổng thống và các nghị sĩ trong giai đoạn này, và những người đảng Cộng hòa ủng hộ mạnh mẽ các chính sách ủng hộ kinh doanh của chính phủ.

### **Sự phát triển của chính phủ lớn: Nhà nước phúc lợi**

Xét về truyền thống, những người Cộng hòa ủng hộ cạnh tranh kinh doanh với sự tham gia rất ít hoặc không có của các qui định của chính phủ: hãy cho phép hệ thống kinh doanh tự do qui định các hoạt động thị trường. Trong khi đó, những người Dân chủ lại ủng hộ việc sử dụng chính

phủ để qui định các hoạt động kinh doanh và bảo vệ người tiêu dùng cũng như giải quyết những vấn đề xã hội. Không có gì phải ngạc nhiên, nếu một Tổng thống thuộc đảng Dân chủ sẽ điều khiển việc hình thành "Một chính phủ lớn".

Cuộc Đại suy thoái năm 1930 đã làm suy yếu mạnh mẽ vị thế của những nhà kinh doanh khi mà tư tưởng tự do cá nhân và "kinh doanh lớn" mất đi sự tôn trọng. Cuộc Đại suy thoái này cũng tạo ra yêu cầu hành động giúp đỡ khẩn cấp của chính phủ để khi mà sự nghèo đói xuất hiện trên qui mô lớn chưa từng có trong thời bình. Kết quả là tư tưởng duy trì một chính quyền nhỏ và không năng động đã hoàn toàn bị từ bỏ. Ngoài ra, tư tưởng về cá nhân tự do cũng đi đến những thay đổi quan trọng.

Thất nghiệp lan tràn và những khó khăn kinh tế khác do cuộc Đại suy thoái gây ra đã đem lại một giả định mới rằng người ta không thể mong đợi các cá nhân chỉ đơn thuần dựa vào họ để đưa ra những an ninh kinh tế cho họ. Đến lượt mình, giả thiết mới này đã dẫn tới một vai trò tích cực và rộng lớn của chính phủ nhà nước trong việc giúp đỡ các cá nhân đáp ứng những nhu cầu hàng ngày của họ. Đảng Dân chủ đứng đầu là Tổng thống Franklin Roosevelt đã đưa ra một số thay đổi trong những năm 1930, đó chính là chính sách kinh tế - xã hội mới cho người Mỹ.

Thậm chí ngay cả sự thịnh vượng đã quay trở lại sau cuộc Đại suy thoái và Chiến tranh thế giới thứ II (1941-1945), vai trò của chính phủ trong việc giúp đỡ đảm bảo an ninh kinh tế cho các cá nhân vẫn không ngừng gia tăng. Vai trò của chính phủ vẫn được duy trì trong những năm hậu chiến thịnh vượng, và đã mở rộng mạnh mẽ trong thời kỳ Tổng thống Lyndon

Johnson những năm 1960, một người cũng thuộc đảng Dân chủ. Chính sách Kinh tế - xã hội mới của Roosevelt đã phát triển thành một "nhà nước phúc lợi". Nhà nước này trợ cấp cho những người về hưu, những người thất nghiệp, giúp đỡ những gia đình có trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, hỗ trợ thu nhập, chăm sóc sức khỏe cho những người nghèo và những người già, và trợ cấp cho những người khó khăn.

Mặc dù nhà nước phúc lợi này tiếp tục phát triển, nhưng nó không bao giờ được nhiều người Mỹ hoàn toàn chấp nhận. Họ sợ rằng nếu chính phủ đưa ra một nền an ninh kinh tế cho các cá nhân, thì nó sẽ làm yếu đi tính tự lập, một tư tưởng đã gắn liền với suy nghĩ của người Mỹ về tự do cá nhân.

Nhiều người Mỹ tin rằng mặc dù nhà nước phúc lợi bắt đầu với những ý tưởng tốt, nhưng hiện nay cuối cùng nó lại là điều người ta không mong muốn nhưng vẫn phải chấp nhận. Điều tồi tệ nhất đó là nhà nước này đã đem đến một mối nguy hại cho tự do cá nhân bằng cách tăng số người Mỹ lệ thuộc vào chính phủ, thay vì phải dựa vào chính bản thân họ. Bằng cách này, những giá trị truyền thống mạnh mẽ về chủ nghĩa cá nhân và tự lập đã làm cho người Mỹ ít chấp nhận một chương trình phúc lợi hơn các công dân ở những nền dân chủ khác, chẳng hạn như ở các nước Tây Âu, những nước có những chương trình phúc lợi lớn hơn ở Mỹ.

Bởi vì các chương trình phúc lợi đi ngược lại những giá trị cơ bản về tự chủ, nhiều người Mỹ tin rằng nếu phải dựa vào phúc lợi xã hội để thỏa mãn những nhu cầu hàng ngày thì đây thực sự là một điều đáng xấu hổ đối với cá nhân và là minh chứng cho sự thất bại. Thậm chí ngay cả những người đã nhận được sự trợ giúp từ cơ

quan phúc lợi xã hội cho hầu hết các hoạt động sinh hoạt của họ cũng đã phản nản rằng hệ thống này đang xuống cấp và đang làm mất đi niềm tự trọng của họ. Chính vì vậy việc cải cách hệ thống phúc lợi xã hội đã trở thành một vấn đề chính trị quan trọng đối với cả hai đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ. Trong năm 1996, một dự thảo luật cải cách hệ thống phúc lợi đã được thông qua. Dự thảo này đã hạn chế số năm người dân có thể được nhận phúc lợi xã hội và dành cho các bang nhiều quyền hạn và trách nhiệm hơn trong việc quyết định ai là người có đủ điều kiện để nhận các khoản trợ cấp này.

Hệ thống phúc lợi ở Mỹ cũng đã phải đối mặt với những vấn đề về chủng tộc. Các vấn đề này bắt nguồn từ những người nô lệ da đen từ trước cuộc Nội chiến 1860 và tiếp tục gia tăng với sự phân biệt chủng tộc ở miền Nam cho đến tận những năm 1960.

Mặc dù những người Mỹ da đen đã nhận được khá nhiều thứ trong vòng 30 năm trở lại đây, nhưng vẫn còn nhiều người chưa thoát được cảnh đói nghèo và thất nghiệp. Vì lý do này mà một số lượng lớn những người được nhận trợ cấp xã hội là người da đen. Tuy nhiên thật đáng buồn, một vài định kiến trước đây với người da đen nay lại được gắn vào các chương trình phúc lợi này. Trong khi trên thực tế, số người da trắng nhận được phúc lợi trong các chương trình này nhiều gấp khoảng 4 đến 5 lần số lượng người Mỹ gốc Phi và những người thiểu số khác.

### **Vai trò của những nhóm lợi ích đặc biệt**

Trên thực tế, hầu như tất cả các tầng lớp kinh tế xã hội Mỹ đều nhìn nhận rằng cần phải tận dụng các quyết định của chính phủ hay bảo vệ quyền lợi của mình từ các quyết định

này, đặc biệt là từ chính phủ quốc gia. Để thực hiện mục đích này, những người Mỹ có chung lợi ích đã cùng nhau thành lập ra các nhóm lợi ích để có thể ảnh hưởng hiệu quả hơn tới các quyết định của chính phủ. Những nhóm lợi ích đặc biệt này cũng thường được gọi là các nhóm "vận động hành lang" hay các nhóm gây sức ép. Mặc dù những nhóm vận động hành lang này đã tồn tại trong suốt lịch sử của nước Mỹ, nhưng những nhóm này đã thực sự gia tăng mạnh mẽ hơn cả về số lượng và quyền lực trong những năm gần đây.

Hiệp hội những người sử dụng súng trường quốc gia (NRA: National Rifle Association) là một ví dụ của một tổ chức vận động hành lang hiệu quả và có ảnh hưởng. Các thành viên của nó hầu hết là những người sử dụng súng cho việc săn bắn, hay những mục đích cụ thể, và bảo vệ cá nhân. Tuy nhiên NRA đã nhận được một số tiền lớn từ các công ty sản xuất súng. Do quan điểm và lợi ích của các thành viên của mình, NRA đã chống đối mạnh mẽ hầu hết các hạn chế của Chính phủ đối với việc buôn bán súng trường và súng ngắn. Thậm chí, mặc dù hầu hết công chúng đều ủng hộ việc kiểm soát súng, nhưng cho đến tận gần đây NRA vẫn thành công trong việc ngăn cản việc thông qua hầu hết các luật qui định kiểm soát súng.

Mặc dù rất ít các nhóm lợi ích có thể thành công được như NRA, nhưng hầu hết những nhóm lợi ích được tổ chức tốt đều đã đạt được những thành công nhất định. Bằng cách tổ chức thành các nhóm gây sức ép lên các quan chức chính phủ, những người trong nhóm lợi ích có thể nhận được lợi nhiều hơn và có nhiều khả năng tránh được những qui định của chính phủ hơn là nếu họ phải nỗ lực với tư cách là những cá nhân riêng lẻ.

Với lập luận như vậy, các nhóm lợi ích kinh doanh đã tăng theo cấp số nhân trong những thập kỷ gần đây. Hầu hết các lĩnh vực chính trong kinh doanh hay thương mại đều có những người vận động hành lang ở Washington. Các liên đoàn lao động được hình thành mạnh mẽ trong những năm thực hiện kế hoạch đổi mới kinh tế - xã hội trước kia. Hiện nay cũng có những nhà vận động hành lang rất có ảnh hưởng của mình. Những nhóm nông dân cũng vậy. Những nhóm lợi ích đại diện cho những nhóm thiểu số người Mỹ gốc Phi, người bản xứ, người Mỹ gốc Mexico, người Mỹ gốc Do thái cũng xuất hiện mạnh mẽ. Cũng có những nhóm lợi ích đại diện cho một số ý tưởng hay động cơ cần phải có sự giúp đỡ của chính phủ như quyền bình đẳng cho phụ nữ, môi trường trong sạch, bảo vệ cho người tiêu dùng. Thậm chí ngay cả những người nhận các khoản phúc lợi xã hội cũng có nhóm vận động hành lang của mình gọi là nhóm Quyền Phúc lợi. Theo lời của một nghị sĩ, "Tất cả mọi người ở Mỹ đều thuộc một nhóm vận động hành lang nào đó".

Khuynh hướng đối nghịch trong những thập kỷ gần đây chính là việc qui mô của Chính phủ đã dẫn đến sự gia tăng cả về số lượng và qui mô của các nhóm lợi ích, và ngược lại do đòi hỏi từ các nhóm lợi ích với Chính phủ ngày càng tăng đã làm tăng qui mô của chính phủ. Những nhóm lợi ích như AARP (Hiệp hội những người hưu trí Mỹ) không chỉ đòi hỏi những chương trình mới của chính phủ, những qui định và lợi ích cho các thành viên của họ, mà còn phản đối mạnh mẽ bất cứ nỗ lực nào giảm bớt các chương trình phúc lợi mà họ tin là có lợi cho họ. Kết quả của chu kỳ tiếp

diễn này có thể được người ta xem là giống như "Chính phủ của các nhóm lợi ích". Không có một nhóm lợi ích đơn lẻ nào có thể chi phối chính phủ và các quan điểm chính trị như các nhóm kinh doanh đã làm được trong giai đoạn trước cuộc Đại suy thoái. Thay vào đó, chính phủ và quan điểm chính trị được dựa trên việc đạt được những sự thỏa hiệp với nhiều nhóm và thỏa mãn được càng nhiều càng tốt.

### **Chủ nghĩa cá nhân mới và chủ nghĩa cá nhân cũ**

Chính phủ của các nhóm lợi ích có thể được xem như là một hình mẫu mới của chủ nghĩa cá nhân Mỹ. Không giống như chủ nghĩa cá nhân Miền biên cương hay chủ nghĩa cá nhân kinh doanh, các cá nhân không tự mình yêu sách mà họ tập hợp thành các nhóm để gây ảnh hưởng tới Chính phủ. Tuy nhiên điều đáng lưu ý ở đây là nó vẫn là các cá nhân, các quyền của họ, các lợi ích của họ, và các tham vọng của họ chứ không phải là của nhóm. Các nhóm lợi ích chỉ là công cụ để đạt được những mục tiêu cá nhân thông qua việc ảnh hưởng tới Chính phủ.

Mặc dù hầu hết người Mỹ bằng cách nào đó đã và đang hưởng lợi từ các chương trình tài trợ của Chính phủ, tuy nhiên nhiều chuyên gia tin rằng Chính phủ của các nhóm lợi ích là có hại cho nước Mỹ. Họ cho rằng điều này đã nhấn mạnh vào khả năng ảnh hưởng của người dân lên Chính phủ hơn là khả năng tạo ra hàng hoá và dịch vụ làm giàu cho đất nước của người dân. Ngoài ra, những nhóm lợi ích có ảnh hưởng lớn đã gây sức ép lên những người lãnh đạo Chính phủ phải dành nhiều lợi ích cho người dân Mỹ hơn là Chính phủ thực sự có thể làm được. Như vậy, những nhóm lợi ích này đã góp phần làm gia tăng đáng kể

các khoản nợ quốc gia. Đây thực sự đã là một vấn đề rất nghiêm trọng trong những năm 1980.

Đảng Dân chủ nổi lên mạnh mẽ kể từ khi thực thi Kế hoạch kinh tế - xã hội mới là người ủng hộ của ý tưởng "Chính phủ nên làm nhiều hơn cho tất cả các tầng lớp và tất cả người dân Mỹ". Do vậy, những người nghèo hơn và những người được hưởng ưu đãi ít hơn có xu hướng ủng hộ đảng Dân chủ. Những người Mỹ gốc Phi và những người Mỹ da màu thường có xu hướng bỏ phiếu cho những người thuộc đảng Dân chủ. Do vậy, đảng Dân chủ về truyền thống thường đa dạng về mặt chủng tộc hơn là đối thủ chính trị chính của nó, đảng Cộng hòa. Sự đa dạng trong đảng Dân chủ càng được mở rộng hơn với sự ủng hộ của hầu hết các nhóm Nữ quyền.

Sự đa dạng này đã được phản ánh khi Bill Clinton của đảng Dân chủ được bầu làm Tổng thống vào năm 1992, sau hơn 12 năm nắm quyền liên tục của đảng Cộng hòa. Trong tuyên bố nội các của mình, Tổng thống Clinton đã phát biểu rằng ông muốn nội các này phản ánh tính đa dạng của nước Mỹ. Sau đấy ông đã bổ nhiệm 6 phụ nữ, 4 người da đen, 2 người gốc Mỹ Latinh vào trong nội các của mình.

Đảng Cộng hòa đã không có nhiều thay đổi nhiều như đảng Dân chủ kể từ khi nước Mỹ tiến hành chương trình kinh tế - xã hội mới. Những người đảng Cộng hòa tiếp tục nhấn mạnh chống lại can thiệp của chính phủ và ủng hộ kinh doanh như là họ đã tiến hành kể từ trước cuộc Đại suy thoái. Trong khi những người đảng Dân chủ có xu hướng xem hành động của Chính phủ là để giải quyết cho

nhiều vấn đề, thì những người đảng Cộng hòa lại xem hành động của Chính phủ là làm tăng thêm các vấn đề của nước Mỹ. Những người đảng Cộng hòa cho rằng hy vọng lớn nhất cho nước Mỹ là giảm những việc mà Chính phủ làm và dành cho giới kinh doanh Mỹ sự tự do, không chịu ảnh hưởng từ những khoản thuế khóa, nguyên tắc, qui định và yêu cầu của Chính phủ. Đảng Cộng hòa nhận được hầu hết sự ủng hộ chính trị từ các nhóm kinh doanh và những người Mỹ có tư tưởng chống lại sự can thiệp của Chính phủ. Ngoài ra những người đảng Cộng hòa cũng cho rằng, đảng Dân chủ đã dành quá nhiều sự quan tâm vào những yêu sách của các nhóm Nữ quyền, các nhóm thiểu số và chủng tộc. Chính vì vậy, họ cho rằng những người đảng Dân chủ đã quên mất những người Mỹ thuộc tầng lớp trung lưu, những người trước hết xem họ là người Mỹ hơn là thành viên của một nhóm cụ thể nào đó.

Nhiều nhà quan sát đã đặt câu hỏi liệu các quan điểm truyền thống của hai đảng này có thực sự phục vụ cho những đòi hỏi của nước Mỹ? Sự thịnh vượng của nước Mỹ thông qua sự thống trị của các nhóm kinh doanh của đảng Cộng hòa hay sự thịnh vượng của nước Mỹ thông qua hành động của chính phủ nhằm giúp đỡ nhiều nhóm người Mỹ khác nhau của đảng Dân chủ? Có thể là chẳng có tư tưởng nào là thích hợp để đáp ứng được những vấn đề mà nước Mỹ đang và sẽ phải đối mặt trong thế kỷ XXI này ■

*Người dịch: Nguyễn Tuấn Minh  
Viện Nghiên Cứu Châu Mỹ*

*Nguồn: The American Ways*